

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NP
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2019

“V/v Xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vàng Thị Dưa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thùng Văn Liên;

2. Ông Vàng A Hý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019; V/v Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Thị S ; Sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản HT 2, xã C, huyện NP, tỉnh Điện Biên

- Bị đơn: Giàng A T; (Tên gọi khác: Giàng A Thề) ; Sinh năm: 1974

Địa chỉ: HT 2, xã C, huyện NP, tỉnh Điện Biên, (Vắng mặt có lý do).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Ngân hàng CS-XH huyện NP, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ: Trung tâm huyện NP, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Lâm – Chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Ông Pờ Go Loòng – Là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên được trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Điện Biên cử.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, xã MN, huyện MN, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người phiên dịch: Ông Hồ A Dế, sinh năm 1984
Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện NP, tỉnh Điện Biên
(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị S và anh Giàng A T chung sống như vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, do chị S và anh T nên trong thời gian chung sống đã không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh chị hòa thuận và hạnh phúc. Đến năm 2015 anh T đi lấy vợ thứ 2 về chung sống với chị S, kể từ đó anh T không còn quan tâm đến tình cảm của chị S nữa. Nhiều lần vợ chồng cãi vã, anh T rất nóng tính, mỗi khi có việc không vừa ý là dùng chân tay đánh vào người chị S luôn. Việc anh T đánh chị S đã được chính quyền bản và xã C giải quyết nhiều lần. Vào ngày 19/3/2019 anh T đánh chị S, đã được UBND xã C lập biên bản giải quyết, vì vậy chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay.

Nay về tình cảm giữa chị S và anh T không còn gì nữa, do anh T đã chung sống với người phụ nữ khác. Chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, về nuôi con, chia tài sản với anh Giàng A T.

Về con chung: Có 05 con chung, hiện còn 03 con chung chưa thành niên là Giàng Thị N sinh ngày 05/7/2004, Giàng A P sinh ngày 05/8/2010 và Giàng Thị C sinh ngày 20/04/2013. Về con chung, chị S xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thị C đến trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Chị S đồng ý cho anh T nuôi cháu N và cháu P đến trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung:

Tài sản chung gồm có: 01 ngôi nhà gỗ 03 gian dựng từ năm 2012, thung ván, lợp ngói pro, lán nền; 02 gian bếp rời, trên cùng diện tích đất 120 m²; 01 ao cá và đất vườn diện tích khoảng 500m² (Trị giá nhà, đất và ao cá khoảng 100 triệu); 03 con trâu trong đó 01 con trâu cái 10 tuổi (trị giá 20 triệu), 01 con trâu đực 03 tuổi (trị giá 25 triệu) và 01 con nghé cái gần 01 tuổi (Trị giá 08 triệu); 02 chiếc xe máy (01 xe YAMAHA trị giá 15 triệu, 01 xe Win đã cũ khoảng 01 triệu); 01 con dê cái 40 kg (Nhà nước hỗ trợ).

Có 08 (Tám) đám nương (Có sơ đồ trích đo thửa đất về diện tích và vị trí tiếp giáp của UBND xã C ngày 23/6/2019) cụ thể về nguồn gốc, hiện trạng sử dụng.

Về nợ chung: Năm 2016 anh T tự vay số tiền 30 triệu đồng của Ngân hàng người nghèo, việc chi dùng và trả nợ chị S không được sử dụng tiền nên chị S không có trách nhiệm trả nợ cùng anh T.

Tại phiên tòa anh Giàng A T vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 7 năm 2019 bị đơn Giàng A T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung:

Anh T thống nhất với lời khai của chị S về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống như vợ chồng, về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh T thừa nhận do nóng tính, khi xảy ra cãi vã anh T dùng tay đánh chị S vài lần và có lần chị S đề nghị chính quyền bản và xã C can thiệp, lập biên bản giải quyết. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh, anh T nhất trí ly hôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2019 tại Tòa án nhân dân huyện NP giữa chị S, anh T và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện NP chị S, anh T đã thống nhất thỏa thuận tự phân chia tài sản chung, nợ chung và giao con chung chưa thành niên.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị S đề nghị HĐXX xem xét yêu cầu bị đơn anh T phải có trách nhiệm giao nốt 01 con trâu nghé cái 10 tháng tuổi cho chị S theo thỏa thuận ngày 29/7/2019. Ngày 29/7/2019 theo thỏa thuận chị S và gia đình đã đến dắt 01 con dê cái và dỡ 02 gian bếp mang về dựng nhà ở.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, 15, 16, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên không công nhận vợ chồng giữa chị S và anh T; Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị S và anh T. Đồng thời công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giao con chung chưa thành niên, phân chia tài sản chung và trả số nợ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện NP.

Theo luận cứ bảo vệ của ông Pờ Go Loòng: Quá trình chung sống tuy có đầy đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị S yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T. Tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2019 các đương sự đã thỏa thuận với nhau về nuôi con cái và phân chia tài sản. Tại phiên tòa nguyên đơn chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Cần căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật HN&GD quy định: “Trường hợp nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn...hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết, áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật HN&GD, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa họ...”

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật HN&GD, Điều 212, 213 Bộ luật dân sự, tuyên bố không công nhận chị S và anh Giàng A T là vợ chồng; Chấp nhận sự thỏa thuận của chị S và anh T về việc nuôi con và phân chia tài sản; Miễn án phí Dán sự sơ thẩm cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn chị Hồ Thị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là anh Giàng A T. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Giàng A T có hộ khẩu thường trú tại bản HT 3, xã C, huyện NP nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NP. Tại phiên tòa, anh T có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Giàng A T.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được xem xét cân nhắc, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị S và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*". Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T đã chung sống với người phụ nữ khác, không còn tình cảm với chị S nữa.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh T thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*". Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị S và anh Giàng A T.

[5] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2019 tại Tòa án nhân dân huyện NP giữa chị S, anh T và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện NP, chị S, anh T đã thống nhất thỏa thuận tự phân chia tài sản chung, nợ chung và giao con chung chưa thành niên. Tại phiên tòa tuy anh T vắng mặt nhưng không có đơn phản đối và chị S vẫn giữ nguyên thỏa thuận, Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 211/BLTTDS để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giao con chung, phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung của chị S và anh T.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Nguyên đơn chị Hồ Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính Phủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị S và anh Giàng A T.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Công nhận việc thỏa thuận của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2019 giữa chị S và anh T và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện NP; chị S và anh T đã thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung và giao con chung chưa thành niên, cụ thể như sau:

+ **Về con chung:** Giao cho anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị N sinh ngày 05/8/2004 và Giàng A P sinh ngày 05/8/2010 đến khi trưởng thành và tự lập được trong cuộc sống.

Giao cho chị Hồ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị C sinh ngày 20/01/2013 đến khi trưởng thành và tự lập được trong cuộc sống. Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

+ **Về tài sản chung:** Chị S và anh T đã thỏa thuận được việc phân chia 8 thửa đất nương theo sơ đồ trích đo đất ngày 23/6/2019 của UBND xã C, huyện Nậm Pồ;

Trong đó, chị S được quyền sử dụng các thửa số 02 ở khu vực Trung Thu diện tích 3.900 m² (tiếp giáp với nương của Hồ A Khua, Hồ A Páo và Hồ A Thào); Thửa số 03 ở khu vực Cao Ma diện tích 2.000 m² (tiếp giáp với nương của Lý A Sinh, Vàng A Sính) và Thửa số 08 ở khu vực HT 3, diện tích 7.400 m² (tiếp giáp với nương của Hồ A Khu, Vàng A Sính và Giàng A Nữ).

Anh T được quyền sử dụng các thửa số 01, 04, 05, 06 và 07.

Anh T đồng ý chia cho chị S được quyền sử dụng 02 gian bếp dỡ mang đi dựng nhà ở, 01 con dê cái 40 kg và 01 con trâu nghé cái 10 tháng tuổi. (Tại thời điểm xét xử anh T chưa giao con trâu nghé cho chị S).

Anh T và chị S nhất trí cho con trai là Giàng A Thấy sinh năm 2000 được quyền sở hữu 01 con trâu đực màu lông đen 04 tuổi.

+ **Về nợ chung phải trả:** Anh Giàng A T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện NP là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) gốc và lãi theo hợp đồng.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn chị Hồ Thị S được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Ông Pờ Go Loòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện NP;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện NP;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vàng Thị Dưa